

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM
Số: 02/CPTPV/2023

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức: **Công ty TNHH Cà Phê Trà Phương Vy**
Địa chỉ: 432A Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam.
Điện thoại: (84.28) 3899 7156 – (84.28) 3899 0603
Fax: (84.28) 3899 7848
E-mail: contact@phuongvycoffee.com
Mã số doanh nghiệp: 0310553942

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: 5592/2022/BQLATTP-HCM

Ngày Cấp: 02/11/2022

Nơi cấp: Ban quản lý an toàn thực phẩm thành phố Hồ Chí Minh.

II. Thông tin về sản phẩm.

1. Tên sản phẩm: Cà phê rang xay 1

2. Thành phần: Cà phê 97%, bơ, muối.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm.

18 tháng kể từ ngày sản xuất. Ngày sản xuất và hạn sử dụng in trên bao bì.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì.

- Quy cách đóng gói: Khối lượng tịnh: 500 g, 1 kg, 5 kg, 10 kg hoặc theo yêu cầu của khách hàng và ghi rõ trên nhãn hàng hóa.

- Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đóng gói trong bao bì PE, PP có lớp bao giấy bên ngoài hoặc bao bì màng ghép phức hợp có lớp tiếp xúc với thực phẩm là nhựa PE. Các bao bì đạt yêu cầu vật liệu bao bì chứa đựng thực phẩm.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm (trường hợp thuê cơ sở sản xuất).

Chi nhánh Công ty TNHH Cà Phê Trà Phương Vy

Số 12, Đường số 15, Khu Công Nghiệp Việt Nam - Singapore II-A, Phường Vĩnh Tân, Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

Chi nhánh được chứng nhận Hệ thống an toàn thực phẩm FSSC 22000.

Tên và địa chỉ cơ sở đóng gói sản phẩm

Công ty TNHH Cà Phê Trà Phương Vy

432A Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm.

Tổ chức kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:



7/11/22

- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia số: 8-1:2011/BYT Đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm (mục 2.4)
- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia số: 8-2:2011/BYT Đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm (mục 1.10, 2.22, 3.28 và 4.7)
- Thông tư số: 50/2016/TT-BYT Quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành.
- Tiêu chuẩn của nhà sản xuất

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

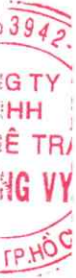
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2023

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)



Trần Thị Bích Lan



PHỤ LỤC
BẢN THÔNG TIN CHI TIẾT SẢN PHẨM
Đính kèm bản Tự công bố số: 02/CPTPV/2023

CÔNG TY TNHH CÀ PHÊ TRÀ PHƯƠNG VY	NHÓM SẢN PHẨM: CÀ PHÊ	SỐ TCB: 02/CPTPV/2023
	CÀ PHÊ RANG XAY 1	Có hiệu lực kể từ ngày ký

1. Chỉ tiêu cảm quan.

STT	TÊN CHỈ TIÊU	YÊU CẦU
1	Màu sắc	Màu nâu đặc trưng của sản phẩm
2	Mùi	Mùi thơm đặc trưng của sản phẩm cà phê, không có mùi lạ
3	Vị	Đặc trưng của sản phẩm
4	Trạng thái	Dạng bột, không vón cục
5	Cà phê pha	Có màu sắc nước và hương vị đặc trưng của sản phẩm

2. Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu.

STT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐVT	MỨC CHẤT LƯỢNG
1	Độ ẩm	% khối lượng	≤ 5,0
2	Hàm lượng Caffeine	% khối lượng	≥ 1,0

3. Chỉ tiêu kim loại nặng (Theo QCVN 8-2:2011/BYT).

STT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐVT	MỨC CHẤT LƯỢNG
1	Hàm lượng Asen (As)	mg/ kg	≤ 1,0
2	Hàm lượng Cadimi (Cd)	mg/ kg	≤ 1,0
3	Hàm lượng Chì (Pb)	mg/ kg	≤ 2,0
4	Hàm lượng Thủy ngân (Hg)	mg/ kg	≤ 0,05

4. Chỉ tiêu độc tố vi nấm (Theo QCVN 8-1:2011/BYT).

STT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐVT	MỨC CHẤT LƯỢNG
1	Hàm lượng Ochratoxin A	µg/ kg	≤ 5,0

5. Chỉ tiêu vi sinh.

Theo QCVN 8-3:2012/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm vi sinh vật trong thực, ban hành kèm theo Thông tư 05/2012/TT-BYT ngày 01 tháng 03 năm 2012 của Bộ Y tế và Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm, ban hành kèm theo quyết định 46/2007/QĐ-BYT ngày 19 tháng 12 năm 2007 của Bộ Y tế **không có quy định giới hạn vi sinh vật cho nhóm sản phẩm cà phê.**

6. Chỉ tiêu dư lượng thuốc bảo vệ thực vật.

Phù hợp với Thông tư 50/2016/TT-BYT Quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 02 năm 2023

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC CÁ NHÂN



Trần Thị Bích Lan

THÔNG TIN GHI NHÃN SẢN PHẨM

Tên sản phẩm: CÀ PHÊ RANG XAY 1

Khối lượng tịnh: kg

Thành phần: Cà phê (97%), bơ, muối.

Hướng dẫn sử dụng:

Sản phẩm dùng cho pha phin hoặc dùng cho sản xuất các loại cà phê khác.

Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản nơi khô mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Giữ kín miệng túi sau khi mở.

Thông tin cảnh báo: Không dùng cho người mẫn cảm với các thành phần của sản phẩm.

Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu:

Hàm lượng caffeine: $\geq 1\%$

Độ ẩm: $\leq 5\%$

NSX: Xem trên bao bì/ nhãn sản phẩm

HSD: 18 tháng kể từ NSX

Sản phẩm của:

CÔNG TY TNHH CÀ PHÊ TRÀ PHƯƠNG VY

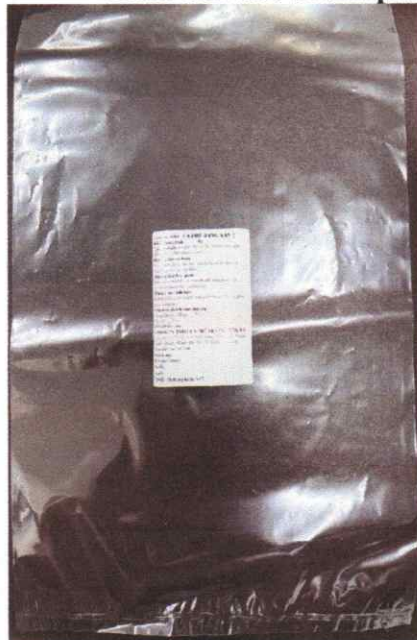
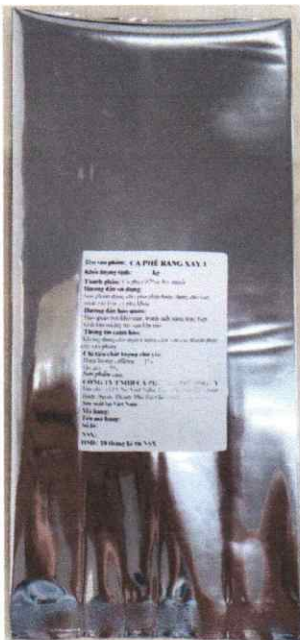
Địa chỉ: 432A Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Sản xuất tại Việt Nam

Hình ảnh nhãn sản phẩm

Tên sản phẩm: CÀ PHÊ RANG XAY 1
Khối lượng tịnh: kg
Thành phần: Cà phê (97%), bơ, muối.
Hướng dẫn sử dụng: Sản phẩm dùng cho pha phin hoặc dùng cho sản xuất các loại cà phê khác.
Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản nơi khô mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Giữ kín miệng túi sau khi mở.
Thông tin cảnh báo: Không dùng cho người mẫn cảm với các thành phần của sản phẩm.
Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu: Hàm lượng caffeine: $\geq 1\%$ Độ ẩm: $\leq 5\%$
Sản phẩm của: CÔNG TY TNHH CÀ PHÊ TRÀ PHƯƠNG VY Địa chỉ: 432A Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Sản xuất tại Việt Nam.
Mã hàng:
Tên mã hàng:
Số lô:
NSX:
HSD: 18 tháng kể từ NSX.

Hình ảnh bao bì sản phẩm



chinh

TEST REPORT
BÁO CÁO THỬ NGHIỆM

Report No./ Số báo cáo:

23-41546-3

Revision: 00

Company/ Công ty:

PHUONG VY COFFEE TEA COMPANY LIMITED
BRANCH OF PHUONG VY COFFEE TEA COMPANY LIMITED
CÔNG TY TNHH CÀ PHÊ TRÀ PHƯƠNG VY
CHI NHÁNH NHÀ MÁY CÔNG TY TNHH CÀ PHÊ TRÀ PHƯƠNG VY

Address/ Địa chỉ:

432A Xo Viet Nghe Tinh Street, Ward 25, Binh Thanh District, Ho Chi Minh City, Viet Nam.
Factory: No.12, Street 15, Viet Nam Singapore II-A Industrial Park (Vsp II-A), Vinh Tan Ward,
Tan Uyen Town, Binh Duong Province, Viet Nam.
432A Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
Nhà Máy: Số 12, Đường Số 15, Khu Công Nghiệp Việt Nam – Singapore II-A, Phường Vĩnh Tân,
Thị Xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

Report Issued: 16-Feb-2023

BVAQ Reference: 23-41546

Sample(s) Received: 11-Feb-2023

Ngày phát hành báo cáo

Tham chiếu BVAQ

Ngày nhận mẫu

Testing Period/ Thời gian phân tích: 13-Feb-2023 to 16-Feb-2023

Results - Kết quả

The testing results are valid on the sample(s) as received/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nhận được.

Customer Sample Name/ Tên mẫu: Cà phê rang xay 1

Lab ID: 23-41546-3

Sample Description/ Mô tả mẫu: Sample in bag/ Mẫu đựng trong túi

Sample Condition/ Tình trạng mẫu: Acceptable/ Chấp nhận

Test Chỉ tiêu	Result Kết quả	Unit Đơn vị	Method Phương pháp phân tích
Ochratoxin A	Not Detected/Không phát hiện (MDL=0.5)	µg/kg	FLAB-FA-MTHD-010: 2021 (Ref. AOAC 2004.10)
Tro không tan (Ash Insoluble)	Not Detected/Không phát hiện (MDL=0.1)	%	FLAB-FC-MTHD-050: 2021 (Ref. AOAC 941.12 TCVN 7765: 2007)
Hàm lượng chất chiết trong nước (Water Extract) *	26.2	%	TCVN 5610: 2007
Âm (Moisture)	1.25	%	FLAB-FC- MTHD- 014: 2021 (Ref. AOAC 950.46)
Caffeine	2.200	% m/m	FLAB-FA-MTHD-019:2021 (Ref. ISO 20481:2008)
Chì (Lead (Pb))	Not Detected/Không phát hiện (MDL=0.02)	mg/kg	AOAC 2013.06
Cadimi (Cadmium (Cd))	Not Detected/Không phát hiện (MDL=0.02)	mg/kg	AOAC 2013.06
Asen (Arsenic (As))	Not Detected/Không phát hiện (MDL=0.01)	mg/kg	AOAC 2013.06
Thủy ngân (Mercury (Hg))	Not Detected/Không phát hiện (MDL=0.01)	mg/kg	AOAC 2013.06

MDL/ GHPH: Method Detection Limit/ Giới hạn phát hiện của phương pháp
MQL/ GHDL: Method Quantitation Limit/ Giới hạn định lượng của phương pháp

ND/ KPH: Not Detected/ Không phát hiện

* Subcontracted test/ Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ

* ISO 17025 not accredited/ Chỉ tiêu chưa được công nhận ISO 17025
Information provided by clients: company, address, samples names/
Thông tin do khách hàng cung cấp: công ty, địa chỉ, tên mẫuThis Test Report shall not be reproduced, except in full, without prior written permission of the BVAQ company/
Không được trích sao một phần báo cáo thử nghiệm này mà không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty
BVAQ.If there are questions or concerns on this report, please contact:
Khi khách hàng cần thêm thông tin về kết quả, xin vui lòng liên hệ:Customer Service/ Bộ phận chăm sóc khách hàng:
Tel: (84-292) 3.888.678 - 3.888.779
Email: ctiab@bvaq.com

Photo of the submitted sample (if any)/ Hình ảnh mẫu phân tích (nếu có)



Remark/ Ghi chú: Nil/ Không

OPERATION MANAGER

NGUYEN DUY TIEN

BVAQ MANAGER



NGUYEN HIEP

Số: *191*./2025/CV-PV.TGD
V/v: Bổ sung thông tin thành phần
dinh dưỡng, giá trị dinh dưỡng và
thay đổi hạn sử dụng của sản phẩm

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 12 năm 2025

KÍNH GỬI: SỞ AN TOÀN THỰC PHẨM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Tên doanh nghiệp: Công ty TNHH Cà Phê Trà Phương Vy
Mã số thuế: 0310553942
Địa chỉ: 432A Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Thạnh Mỹ Tây, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.
Điện thoại: (84.28) 3899 7156 – (84.28) 3899 0603

Công ty đã thực hiện thủ tục Tự công bố theo quy định hiện hành và đã gửi 01 bản Tự công bố cho
Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm tỉnh Bình Dương.
Sản phẩm có Tự công bố chất lượng như sau:

STT	SỐ TCB	TÊN SẢN PHẨM	THỜI HẠN SỬ DỤNG
1	02/CPTPV/2023	Cà phê rang xay 1	18 tháng kể từ ngày sản xuất

Nay công ty chúng tôi xin thông báo với Sở An Toàn Thực Phẩm về việc:

- Bổ sung thông tin công bố và ghi nhãn thành phần dinh dưỡng, giá trị dinh dưỡng theo quy định của Thông tư 29/2023/TT-BYT hướng dẫn nội dung, cách ghi thành phần dinh dưỡng, giá trị dinh dưỡng trên nhãn thực phẩm do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành
- Thay đổi thời hạn sử dụng cho sản phẩm nêu trên là **12 tháng** kể từ ngày sản xuất.

Bảng thông tin tiêu chuẩn công bố chi tiết và nội dung ghi nhãn của sản được dự thảo và đính kèm công văn này.

Các thông tin khác của sản phẩm, công ty giữ nguyên như trong hồ sơ Tự công bố sản phẩm đã nộp lên Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm tỉnh Bình Dương. Công ty chúng tôi cam kết thực hiện ghi nhãn hàng hóa theo đúng quy định hiện hành và đảm bảo chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm như đã công bố.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu R&D


ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC CÁ NHÂN



Trương Thị Mai Phương

Trưởng phòng nghiên cứu & phát triển

PHỤ LỤC
BẢN THÔNG TIN CHI TIẾT SẢN PHẨM
(Đính kèm bản Tự công bố số: 02/CPTPV/2023)

 Phương Vy Đam mê cà phê Việt	CÔNG TY TNHH CÀ PHÊ TRÀ PHƯƠNG VY	NHÓM SẢN PHẨM: CÀ PHÊ	SỐ TCB: 02/CPTPV/2023
		CÀ PHÊ RANG XAY 1	<i>Có hiệu lực kể từ ngày ký</i>

1. Chỉ tiêu cảm quan.

- Màu sắc: Màu nâu đặc trưng của sản phẩm
- Mùi: Mùi thơm đặc trưng của sản phẩm cà phê, không có mùi lạ.
- Vị: Vị đặc trưng của sản phẩm, không có vị lạ.
- Trạng thái: Dạng bột, không vón cục

2. Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu.

STT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	MỨC CÔNG BỐ
1	Độ ẩm	% khối lượng	≤ 5
2	Hàm lượng Caffeine	% khối lượng	≥ 1

3. Chỉ tiêu kim loại nặng: Phù hợp với QCVN 8-2:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm (mục 1.10, 2.22, 3.28, 4.7).

STT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	MỨC CÔNG BỐ
1	Hàm lượng Asen (As)	mg/ kg	≤ 1
2	Hàm lượng Cadimi (Cd)	mg/ kg	≤ 1
3	Hàm lượng Chì (Pb)	mg/ kg	≤ 2
4	Hàm lượng Thủy ngân (Hg)	mg/ kg	≤ 0.05

4. Chỉ tiêu độc tố vi nấm: Phù hợp với QCVN 8-1:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm (mục 2.4).

STT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	MỨC CÔNG BỐ
1	Hàm lượng Ochratoxin A	µg/ kg	≤ 5

5. Thành phần dinh dưỡng, giá trị dinh dưỡng:

STT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	MỨC CÔNG BỐ
1	Năng lượng	Kcal/ 100 g	≥ 232.4
2	Chất đạm	g/ 100 g	≥ 12.39
3	Carbohydrat	g/ 100 g	≥ 5.66
4	Chất béo	g/ 100 g	≥ 9.45
5	Natri	mg/ 100 g	≥ 3.60

Tp Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 12 năm 2025

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)



Trương Thị Mai Phương

Trưởng phòng nghiên cứu & phát triển

THÔNG TIN GHI NHÃN SẢN PHẨM

Tên sản phẩm: CÀ PHÊ RANG XAY 1

Khối lượng tịnh: ... kg

Thành phần: Cà phê (97%), bơ, muối

Hướng dẫn sử dụng:

- Sản phẩm dùng cho pha phin.
- Hoặc dùng cho sản xuất các loại cà phê khác.

Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản nơi khô mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Giữ kín miệng túi sau khi mở.

Thông tin cảnh báo: Không dùng cho người dị ứng với các thành phần của sản phẩm.

Giá trị dinh dưỡng: Trong 100 g

Năng lượng: 332 kcal; Chất đạm: 17.7 g; Carbohydrate: 8.08 g; Chất béo: 13.5 g; Natri: 5.13 mg.

Sản phẩm của: CÔNG TY TNHH CÀ PHÊ TRÀ PHƯƠNG VY

Địa chỉ: 432A Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Thạnh Mỹ Tây, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Sản xuất tại Việt Nam

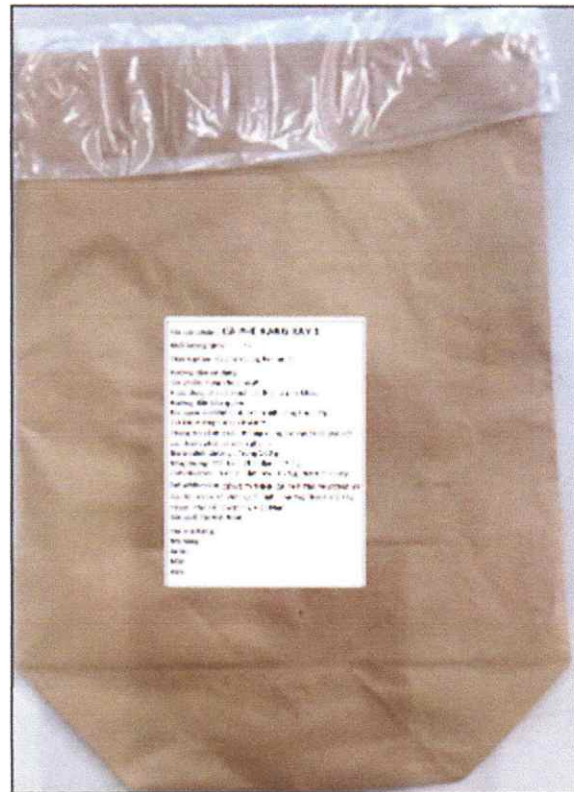
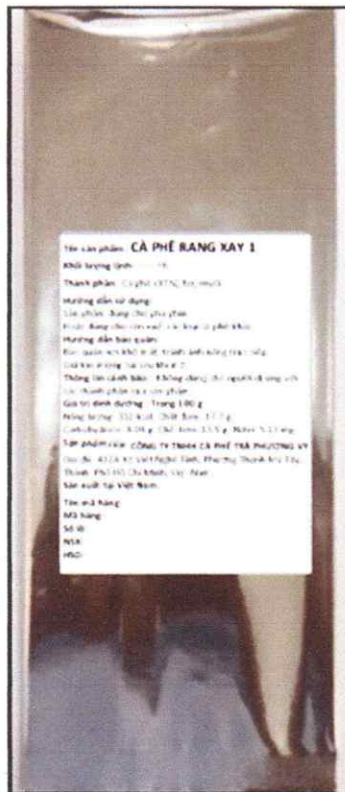
Tên mã hàng:

Mã hàng:

Số lô:

NSX:

HSD:



Hình ảnh chỉ mang tính minh họa cho bao bì sản phẩm



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

CÔNG TY TNHH CÀ PHÊ TRÀ PHƯƠNG VY

432A Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Thạnh Mỹ Tây
TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH CÀ PHÊ TRÀ PHƯƠNG VY

Địa chỉ chi nhánh: Số 12, VSIP II-A, đường số 15, Khu Công Nghiệp Việt Nam – Singapore II-A, Phường Vĩnh Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã số PO của khách hàng : GU5K2512050105

Mã số mẫu : 743-2025-00242762

Mã số Eol : 005-32410-613886
 Tên mẫu : Cà phê rang xay 1
 Tình trạng mẫu : Mẫu đựng trong túi nhôm
 Ngày nhận mẫu : 06/12/2025
 Thời gian thử nghiệm : 11/12/2025 - 16/12/2025

Ngày hẹn trả kết quả khách hàng : 16/12/2025



STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VD157 VD (a) Xơ Dinh Dưỡng	g/ 100 g	AOAC 991.43	53.8
2	VDYL7 VD (a) Chất béo	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-3498	13.5
3	VDS54 VD (a) Chất đạm	g/ 100 g	TCVN 10034:2013; ISO 1871:2009	17.7
4	VDERJ VD (m) Carbohydrat (không bao gồm xơ dinh dưỡng)	g/ 100 g	FAO Food and Nutrition paper 77	8.08
5	VD9T0 VD (m) Năng lượng (tính theo Carbohydrat không bao gồm xơ dinh dưỡng)	kcal/ 100 g	FAO Food and Nutrition paper 77	332
6	VD297 VD (a) Tro tổng	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-3497	5.42
7	VD6ZP VD (a) Natri (Na)	mg/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-3500 (Ref. AOAC 969.23)	5.13
8	VD50I VD (a) Độ ẩm	%	TCVN 7035:2002 (ISO 11294:1994)	1.47

Ký tên

Nguyễn Anh Vũ
Giám Đốc Chi nhánh Hồ Chí Minh



Lý Hoàng Hải
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Anh Vũ 17/12/2025, và được phê duyệt điện tử bởi Lý Hoàng Hải 17/12/2025.



AR-25-VD-245852-01-VI / EUVNHC-00388435- Trang : 2 / 2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ghi chú giải thích

Thông thường, mẫu được lưu giữ 7 ngày kể từ ngày gửi báo cáo (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu để hư hỏng). Việc lưu mẫu có thể dài hơn theo hợp đồng đã thỏa thuận với khách hàng hoặc theo yêu cầu của cơ quan chức năng.

Hết thời hạn lưu mẫu, Công ty TNHH Eurofins Sắc Ký Hải Đăng không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.

Báo cáo kết quả này được phát hành dựa trên cơ sở các yêu cầu đã thỏa thuận giữa Công ty TNHH Eurofins Sắc Ký Hải Đăng và khách hàng; và, tuân theo "Điều khoản cung cấp dịch vụ chung", đăng tải www.eurofins.vn/vn/eurofins-tai-viet-nam/eurofins-sac-ky-hai-dang/dieu-khoan-va-dieu-kiem-chung-ve-cung-cap-dich-vu/.

Mọi hành vi sao chép, thay đổi, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức một cách trái phép của tài liệu này đều là bất hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trước pháp luật.

Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sắc Ký Hải Đăng xây dựng.

Tất cả các phương pháp (như AOAC, phương pháp nội bộ,...) không được công bố năm ban hành đều là phiên bản mới nhất tại thời điểm kiểm nghiệm.

Các phép thử bắt đầu bởi ký tự "VD", "VE", "VW" và không có ký tự "EXT" đi kèm được thực hiện tại phòng thí nghiệm Eurofins Sắc Ký Hải Đăng.

(a): được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238. (m): được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VLAT-1.1500.





Bảng thành phần dinh dưỡng (Thị trường Việt Nam)/ Nutrition Label (Vietnamese market)

Mã số mẫu / Sample code Nr.: 743-2025-00242762

Mã số kết quả / Analytical Report Nr.: AR-25-VD-245852-01 / EUVNHC-00388435

THÔNG TIN DINH DƯỠNG (NUTRITION FACTS)			
Thành phần dinh dưỡng	Trên 100 g		% giá trị dinh dưỡng tham chiếu (NRV)
Năng lượng	332	kcal	17%
Chất đạm	17.7	g	35%
Carbohydrat	8.08	g	2%
Chất béo	13.5	g	24%
Natri	5.13	mg	0%
<p>% giá trị dinh dưỡng tham chiếu (nutrient reference values - NRV) là tỷ lệ đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng hàng ngày (với khẩu phần 2000 Kcal) của mỗi thành phần dinh dưỡng có trong 100 g hoặc 100 ml thực phẩm.</p>			

Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử. Biểu mẫu bảng dinh dưỡng chỉ có giá trị tham khảo. Quý khách vui lòng xem quy định hiện hành./ Test results are valid only for test sample. The nutrition facts form is reference only. The customer should update it and comply with regulation currently.